



Mọi người tranh, mọi người tá lủ dân...

Là quang cảnh Đà Lạt khi sáng sớm niên đầu thế kỷ 20, những năm 1939 Đà Lạt đã có 427 biệt thự và hơn chục vạn dân (theo Bùi Văn Trường Công), viết Tam Đảo, nói:

*Mây sa xuống ôm rặng thông xanh biếc,  
Sười nghiêng mình nghe khúc nhạc thông reo*

(Thơ cũ theo nhà sách Nguyễn Vĩnh Phúc)

## Vị trí

Lâm Đông là một trong 5 tỉnh Tây Nguyên (Cao Nguyên Trung Phần)- Central Highlands ; 4 tỉnh Tây Nguyên khác là Kontum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông. Lâm Đông có diện tích không có biên giới chung với các quốc gia Lào, Campuchia). Nằm về phía Nam Tây Nguyên, tọa độ là vĩ tuyến Bắc 11012 – 12015' và kinh tuyến Đông 107015' – 108045'. Đông giáp hai tỉnh Khánh Hòa và Ninh Thuận, Tây Nam giáp tỉnh Đắk Nông, Nam giáp tỉnh Bình Thuận, Tây giáp tỉnh Bình Phước và Bắc giáp hai tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông. Diện tích nay là 9 764.8 km<sup>2</sup> (3770.2 dặm Anh vuông), hơn hẳn chút ít con số tiền sử Thái Công Trình ghi tài liệu Vietnamologica số 6 – 2005 là 9 953 km<sup>2</sup>, tỉnh hợp nhất Tây Nguyên, trước khi tỉnh Đắk Lắk cũ chia ra làm hai năm 2003 là tỉnh Đắk Lắk mới (13062 km<sup>2</sup>) và tỉnh Đắk Nông (6514 km<sup>2</sup>), nguyên là tỉnh Quảng Đắk (thị xã là Gia Nghĩa) thị trấn Công Hòa. Sau năm 1975, Lâm Đông cũng là hai tỉnh Tuyên Đắk (thị xã là Đà Lạt) và tỉnh Lâm Đông cũ (thị xã là B'ho Lạc – B'ho) hợp lại.

Vị hành chính, Lâm Đông gồm hai thị xã Đà Lạt và B'ho Lạc và 10 huyện: B'ho Lâm (Lạc Thắng), Cát Tiên (Đắk Nông), Đa Hài (Madagui), Đa T (teh), Đam Rông, Di Linh, Đắk Nông (Thành Mỹ), Đắk Trông (Liên Nghĩa), Lạc Đắk, Lâm Hà (Nam Ban, Đắk Lắk). Dân số năm 1996 là 722 322 người, năm 2007 là 1 189 327 người. Tăng gia mỗi năm trung bình 40 – 50 000. Hơn vậy, năm 2014 có thêm đã gần 1500 000 người. Lâm Đông có đến 40 tộc dân sinh sống, những đồng nhất theo tộc là tộc dân Kinh -Việt, các tộc dân thiểu số Cơ Ho, M'Nông, M'Nông.... Những các tộc dân Cơ Ho, M'Nông, M'Nông thuộc nhóm ngôn ngữ Môn –

Khmer và tộc dân Nùng thuộc nhóm ngôn ngữ Tày – Thái, sinh sống nhiều nhất rải rác 12 tỉnh miền Bắc Việt Nam, nhưng sau 1954 – 55 đã tập trung nhiều ở khu vực Tùng Nghĩa Lâm Đồng chuyên khai thác thối m – dĩa a...

### Suối dòng lịch sử Lâm Đồng

Từ vài thôn ở sông Dã Dông sông cá sấu, thuộc Bình Thuận qua năm 1899 tên là Đồng Nai Thượng ( Haut Donnai )- Cao nguyên Lang Bian, hình thành năm 1905 ,tái lập năm 1920, sáp nhập năm 1950 Lâm Viên và Đồng Nai Thượng thành Lâm Đồng và xác nhận tên này năm năm 1958, dân số tỉnh là 49 599 người chiếm 1/30 dân số ngày nay , trên diện tích là 10 650 km2 , diện tích đôi chút diện tích ngày nay . Theo Địa Nam Nhật Bản Chí, sách thi nhà Nguyễn Phúc, thì trước năm 1899, đã có lịch sử tỉnh Lâm Đồng ngày nay thuộc tỉnh Bình Thuận và một phần Ninh Thuận. “ Di Linh thi phú” ghi là lúc đó có 20 thôn ở, ghi tên một con sông là Dã Dông về phía Tây, không sâu , nhưng cá sấu : Tây hồ Dã Dông giang, bắt thêm nhiều, trung đa người. Sách cũng ghi rõ hoạt động hai bên sông . Phía Nam do các thôn gia Tầu chiếm . Phía Bắc rất ít người. Năm 19 đời vua Tự Đức , triều đình Huế gọi nhân viên thám hiểm vùng này, nhưng người Thượng lo sợ , không chịu hợp tác nên cuộc thám hiểm thất bại.

Ngày một tháng 11 năm 1899, toàn quyền Paul Doumer ký quyết định thành lập tỉnh Đồng Nai Thượng và hai cấp hành chính là Tỉnh Linh và Cao nguyên Lang Bian. Tỉnh Đồng Nai Thượng gồm thị trấn dòng sông Đồng Nai giáp Nam Kỳ – Cochinchine và Chăm Bớt, thị xã là Di Linh- Djiring. Năm 17 đời vua Thành Thái năm 1905, bãi bỏ tỉnh Đồng Nai Thượng và đặt tỉnh này trực thuộc tỉnh Bình Thuận. Ngày 16 tháng giêng năm 1916 , Toàn quyền E. Roume ký quyết định thành lập tỉnh Lang Bian gồm toàn thị trấn vùng núi non của các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Đồng Nai, Bình Phước ngày nay. Ranh giới tỉnh Lang Bian là sông Krong Knô về phía Bắc, sông Krong Pha ( nay thuộc tỉnh Ninh Thuận ) về phía Đông Nam, sông Cà Giai một chi lưu sông Lũy – Phan Rí ( thuộc tỉnh Bình Thuận ) về phía Nam , phía Tây là biên giới với Chăm Bớt. Số tỉnh thành lập Đà Lạt là trung tâm đô thị Lang Bian được ký vào ngày 20 tháng 1 năm 1916 đời vua Duy Tân, và được Khâm Sứ Trung Kỳ là J. E. Charles ký xác nhận ngày 30 tháng 5 năm 1916. Ngày 8 tháng giêng năm 1941, toàn quyền Decoux ký quyết định thiếp lập vùng Lang Bian , thi phong cho mình làm thị trấn Đà Lạt và thị trấn Lang Bian.

Tháng 8 năm 1945 , Ủy Ban Nhân Dân Cách Mạng Lâm Thi và Mặt Trận Việt Minh thiếp lập tỉnh Lâm Viên và Đồng Nai Thượng. Ngày 14 tháng 12 năm 1950, chính ủy Ban Kháng chiến Trung Bộ Nguyễn duy Trinh ký nghị định sáp nhập tỉnh Lâm Viên và Đồng Nai Thượng vào tỉnh Lâm Đồng. Phó thị trấn Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa Phạm Văn Đồng ký

xác nh n nh p Đng Nai Th ng và Lâm Viên vào tnh Lâm Đng ngày 22 tháng 2 năm 1951. Ngày 10 tháng 11 năm 1950, qu c tr ng( vua ) B o Đ i cũng đã ký s c nh qui đ nh ranh gi i th tr n Đà Lt và tnh Đng Nai Th ng. Theo Đ a Ph ng chí, th tr n Đà Lt là trung tâm c a Hoàng Tri u C ngTh - Crown Domain, di n tích 67 km<sup>2</sup> và dân s là 25 041 ng i .

Tnh Đng Nai Th ng nh v y đ c thi t lp năm 1899, h y b năm 1905, tái lp năm 1920. Năm 1956 , di n tích Đng Nai Th ng là 10 650 km<sup>2</sup> và dân s là 46 599 ng i. Djiring là th xã. Lúc đó tnh g m 3 huy n: Djiring có 188 làng, Blao có 159 làng và Dran – Fyan có 274 làng. Ngày 19 tháng 5 năm 1958, tng th ng Ngô Đình Di m ra ngh đ nh đ i tên tnh Đng Nai Th ng thành tnh Lâm Đng. Ngày 30 tháng 11, chuy n th xã t Djiring xu ng Blao. Ngày 19 tháng 2, Blao đ i tên thành B o L c, và Djiring thành Di Linh . Xã B’Sar tnh Bình Tuy sáp nh p vào huy n ( qu n ) B o L c ngày 12 tháng 7 năm 1965. Ranh gi i năm 1965 c a tnh Lâm Đng là tnh Qu ng Đ c v phía B c, hai tnh Tuyên Đ c và Bình Thu n v phía Đ ng, hai tnh Bình Thu n và Bình Tuy v phía Nam , hai tnh Ph c Long và Long Khánh v phía Tây. Năm 1972, di n tích tnh Lâm Đng là 5 500km<sup>2</sup>, dân s là 90 157 ng i, th xã là B o L c. Ngày 19 tháng 5 năm 1958 , tng th ng Ngô Đình Di m thi t lp tnh Tuyên Đ c. Ngày 30 tháng 5 năm 1958, qu n ( huy n ) Dran tách r i kh i Lâm Đng và nh p vào Tuyên Đ c . B c Tuyên Đ c đi ngang phía Nam núi Chu Yang Sin, Đ ng g n núi Bi Đúp , Tây Nam là đ nh đèo Ng an M c, Tây là các sông Đa Nhim, Dak Nông và Đá Trong. Năm 1958 di n tích tnh Tuyên Đ c là 5067 km<sup>2</sup> , dân s là 49 025 ng i và th xã là Đà Lt, và có 3 qu n là Đ n D ng, Đ c Tr ng và L c D ng.

Theo quy t đ nh ngày 20 tháng 9 năm 1975 c a B Chánh Tr – Politburo: Hà N i, Sài Gòn, H i Phòng và Đà Lt là 4 thành ph trung ng qu n tr và 4 tnh Lâm Đng, Tuyên Đ c, Bình Thu n và Ninh Thu n h p thành m t tnh m i, tên là Thu n Lâm, th xã là Phan Rang. Tháng 2 năm 1976 , Chánh Ph Lâm Th i Cách M ng C ng Hòa Mi n Nam ra quy t đ nh nh p các tnh này vào Mi n Nam Vi t Nam và lp ra tnh Lâm Đng, g m tnh Lâm Đng, tnh Tuyên Đ c và thành ph Đà Lt. Ngày 14 tháng 3 năm 1979, i chia B o L c ra làm 2 huy n là B o L c và Đa Huoai; Đ n D ong thành 2 huy n Đ n D ng và L c D ng . Sau khi chia huy n , tnh Lâm Đng g m có 6 huy n, 1 thành ph là Đà Lt, 61 xã, 5 th tr n và TP Đà Lt g m 6 ph ng . Ngày 19 tháng 9 năm 1981, Qu c h i Vi t Nam khóa 7 ra quy t đ nh nh p xã Đng Nai ( 18 000 ha ) huy n Ph c Long tnh Sông Bé vào huy n Đa Huoai tnh Lâm Đng. Ngày 22 tháng 11 năm 1995 nh p 34 000 ha phía B c sông Krong Knô vào tnh Đ c L c. Tháng 4 năm 2010 th tr n B o L c đ c công nh n là đô th h ng III n c nhà. Nay tnh Lâm Đng g m hai th xã là Đà Lt , B o L c , 10 huy n và 149 xã nh đã nói trên .

L ch s và danh lam th ng c nh Đà Lt , x ngàn thông, ngàn hoa ( lay d n, hoa h ng, c m tú c u ... ), n c h im- thác reo ...

T dòng su i nh Đà ti ng C Ho và Lt tên m t b t c s ng d i chân núi Lang Bian. Năm 1893, Paul Doumer năm 1893 ch p nh n đ ngh c a Yersin thi t l p trên Cao Nguyên Lâm Viên m t thành ph nghĩ mát cho ki u dân Pháp. Tr c năm 1893 , khi còn thu c “ Lâm S n Ph n” c a b n đ t nh Ninh Thu n, Đà Lt ch có t ng c ng là 17 làng và 268 ng i. Năm 1900 ( ? ) Paul Doumer thành l p tnh Đng Nai Th ng và hành chánh Lâm Viên, Champoudry làm “ th tr ng” đ u tiên c a Đà Lt. Năm 1901, đ ng xe a Tháp Chàm – Đà Lt đ c ho ch đ nh. Tuy ngân sách r t ít i, Champoudry cũng đ i đ c xây c t tr m khí t ng Dankia , l p m t khách s n Đà Lt đ u tiên là Khách S n Hàng Không ngày nay, ti n thân c a Khách s n Hotel du Lac và , năm 1909, hoàn t t khúc đ n Tháp Chàm – Xóm Gòn ch trong 6 tháng . n hi m k hai, toàn quy n Paul Doumer tr c năm 1914 , phát tri n m nh m y t , giáo d c và xây đ ng Đà Lt. Năm 1913, chánh quy n thu c đ a làm xong đ an đ ng Phan Thi t – Djiring ( nay là qu c l 28 ) và năm 2014 đ an đ ng Driring – Đà Lt ( nay là qu c l 20 ), đ ng xe a Phan Rang – Krong Pha đ c s đ ng giúp doanh nghi p và du l ch phát tri n nhi u gi a vùng Đà Lt và các châu th duyên hi. Năm 2015, có 2 cách đi t Sài Gòn đ n Đà Lt: Sài Gòn – Ma Lâm – Đà Lt dài 354 km và Sài Gòn – Phan Rang – Đà Lt dài 414 km . Khi Th Chi n Th Nh t kh i đ u , ki u dân Pháp và các dân da tr ng khác đ xô lên nghĩ mát Đà Lt , vì không v đ c c h ng và khí h u Đà Lt t ng t Âu Châu. Nh đ u t khai thác Đông Pháp, t năm 1916 đ n th i k kinh t kh ng h ang th p niên 1930, r t nhi u ng ai ki u đ n Đông Pháp: năm 1937 có đ n trên 30 000 ki u dân Pháp và năm 1943 có đ n 466 000 ng ai ki u Tàu. Đà Lt lúc đó r t đ c a chu ng. Tri u đnh Hu không có uy quy n gì v ng ai giao và quân s : t ch đ b o h , Trung K ti n t i ch đ b tr c tr . Nhân viên Hu b nhi m Đà Lt ch là hình th c. Kh i đ u, công ch c Pháp làm ph tá cho h , nh ng đ n đ n các nhân viên Vi t tr thành ph tá cho nhân viên Pháp. Năm 1916 , vua Duy Tân ký s c l nh thi t l p th tr n Đà Lt . Nh ng tinh th n s c l nh là chuy n m i quy n cai tr Đà Lt cho toàn quy n Đông Pháp . Dân s Đà Lt năm 1923 là 1500 ng i, năm 1925 tăng lên đ n 2400 ng . H t ng c s Đà Lt đ c phát tri n nh Palace Hôtel các năm 1916- 1922, h trên sông Cam ly năm 1919 do k s Labbé xây c t , các tr m phân ph i đ n năm 1918, b u đi n, tr ng h c năm 1920 và các bungalow g . R t nhi u khu ph đ c thi t l p ở phía Nam, Đông Nam và phía Tây H L n. Dân Kinh – Vi t t p trung ở làng Đa L c phía B c và Tây B c dòng su i Cam Ly. Ngày 16 tháng 8 năm 1921, toàn quy n René Robin thi t l p khu b o t n Tr m B ( ? ) r ng 8000 ha. Năm 1921, xây c t b nh vi n Đà Lt , thay cho nhà h sinh l p tranh. Cũng năm 1921, k s Ernest Hébrand v ra m t k h ach cho Đà Lt, làm xong năm 1923 l p m t dãy h t thác Cam Ly đ n h Than Th trên dòng Cam Ly, v i ý đ bi n Đà Lt thành th đô Đông Pháp. Nh ng đ án b ch trích n ng n , vì t n kém, không m y l u tâm đ n c nh quan thiên nhiên, t các đ i đ n núi Lâm Viên đ p đ ... Năm 1933, ki n trúc s Pineau phát h a m t cái nhìn th c ti n h n, theo đó m t đ h t Tây sang Đông Nam bao quanh th tr n Đà Lt, m i nét chánh đ c gìn gi năm 1943. Năm 1927, m t tr m đi n m i đ c xây đ ng. Năm 1930, làm xong các tr i lính Courbet. Năm 1932, th c hi n đ ng n i k t tr c t p Đà Lt -Sài Gòn qua đèo Blao . Năm 1935, tr ng trung h c Yersin m c a . Năm 1936, thành l p Vi n Pasteur . Năm 1937, hoàn t t đ ng s 21, n i Đng Nai Th ng v i tnh Đ c L c và b t đ u xây c t ph toàn quy n. Năm 1938 làm xong tr m xăng Đà Lt. Năm 1939, tr ng Thi u Sinh Quân hoàn t t trong khuôn viên Vi n Đ i H c Đà Lt ngày nay. Nhi u bi t th đ ng lên ở đ ng Hoa Lay y n ( rue des Glaieuls), đ ng Hoa H ng ( rue des Roses ) và Khách s n Saint

Benoit. Năm 1936, Đà Lạt ch có 327 bi t th ; năm 1935 có 398 bi t th và năm 1939 có 427 bi t th

Dân số Đà Lạt năm 1939 tăng lên đ n 11 500 ng i. Khu nông nghi p Dan Kia không cung c p đ th c ph m, nên Đà Lạt làm các p rau c i Hà Đông (do Hoàng Tr ng Phu m dân gi i tr ng rau c i t Hà Đông- Ngh Tĩnh ) cũng nh khu đ nh c dân Kinh- Vi t Tân Lạc, Tr i Mát, Tr i Hàm, Nam Thi n , các v n trà và cây ký ninh Xuân Tr ng, Xuân Th ... ki u dân Pháp ph n n là ch c quy n dân số hay quân số , m t ít là giáo ch c và sinh viên, t p trung s ng phía Nam su i Cam Ly . Còn đa số dân Vi t sinh s ng phía B c su i Cam Ly . Năm 1940 Toàn quy n Decoux tr i ý ki n mu n Đà Lạt thành th ph ( th đô ) Đông Pháp. Năm đó, ki n trúc s Mondet đ c ch th n i r ng theo h ng B c Nam và chia Đà Lạt ra làm nhi u khu v c – nhóm ch c năng, nh ng vùng dành cho bi t th và gia c , cũng nh vài trung tâm công c ng quanh h Đà Lạt nh : Trung tâm Hành chánh Trung ng c a Ph Toàn Quy n, trung tâm th ng mãi, trung tâm tiêu khi n và th thao (sân gôn, sân luy n t p quân đ i, sân đua ng a, cầu l c b , bi t th đ n th y t , nhà gi tr , ca sinô ... ). Tháng t năm 1943, toàn quy n Decoux ch p thu n đ án n i r ng c a ki n trúc s Lagisquet . Chia Đà Lạt ra làm 21 khu v c, ch c năng m i khu v c đ c xác đ nh : 7 khu v c x p h ng 5 là đ làm biêt th , nhà sang tr ng lân c n, kh i c xá, 2 khu v c dành cho buôn bán, 1 khu v c ch đ làm phòng s , khách s n, tr ng h c, v n t t , b nh vi n và 4 khu v c không cho phép xây c t ch đ làm du l ch và không gian xanh. Sau 30 năm xây đ ng, năm 1945 , Đà Lạt th t s đ ã thành m t th tr n đ p Vi n Đông và sinh h at “Th đô Mùa hè” Đông Pháp này r t s ng đ ng. Phát tri n cũng mau l : h n 500 bi t th trong 5 năm, b ng s l ng toàn th 30 năm tr c : 500 bi t th năm 1940, 810 bi t th năm 1943, và 1000 bi t th năm 1945 .

Năm 1945, theo i kê g i c a y Ban Kháng chi n Lâm Viên, đa số công dân Vi t n c kh i Đà Lạt ra s ng ngo i ô. Năm 1946, dân số Đà Lạt ch còn 5200 ng i . Nh ng sau đó đã tr i. Năm 1947 là 18 513 ng i và năm 1952 là 25 041 ng i. Nh ng sau khi b ch đ Hoàng Tri u C ng Th năm 1955 cũng nh b i b chánh sách “Tây Nguyên t tr ”( th t s là chia đ tr ) do đ đ c Thierry D’ Argenlieu đ x ng năm 1947, năm 1956 dân số Đà Lạt lên đ n 58 958 ng i, trong đó dân Kinh -Vi t lên đ n 58 445 ng i nh nhi u dân mi n B c di c lên t năm 1954 ; Pháp ki u ch còn 206 ng i m t thành ph Decoux và D’ Argenlieu mu n dành riêng cho quân nhân và công ch c Pháp. Th tr n Đà Lạt v n còn 10 ph ng, nh ng nay thêm 5 thôn m i : ph ng I thêm 2 thôn là Gà Giang và Chi Lăng, ph ng II thêm thôn Kim Stone, ph ng IV thêm thôn Thái Version, ph ng V thêm thôn Tùng Lâm. T năm 1957 , Đà Lạt đ c tâm khu ch tr ng giáo d c, khoa h c n c nhà: thành l p Vi n Đ i h c năm 1957, Tr ng Sĩ quan Đà Lạt, Trung tâm S n C c, Ch ng vi n Giáo Hoàng , Cu c Nguyên t Lạc, Trung tâm Th ng kê Qu c gia, Ngành l u tr Th vi n Đà Lạt năm 1958, H i Vi t – M năm 1963, Tr ng Chi n Tranh Chính Tr năm 1966, Tr ng Ch Huy và Tham m u Quân đ i năm 1967. Ngoài các tr ng ti u h c, Đà Lạt có 24 tr ng trung h c n i danh nh Lycée Yersin, Couvent des Oiseaux , Adran ... đ c bi t là có ký túc xá hút đ n h c sinh kh p n c đ n h c . Trong th i gian này, Đà Lạt cũng s a sang l i Ch Đà Lạt , đ ng xá quanh h Xuân H ng, n i r ng hay sáp nh p vào Đà Lạt vùng trung tâm, sau khi thi t l p

phi trường Liên Khu vực năm 1961, làm mất hoạt khách sạn như Mộng Đốp, Ngọc Lan làm đốp các điểm nóng du lịch như hồ Than Thở, thác Prenn, Thung lũng Tình Yêu .... hồ Đan Kia, hồ Đa Thiển 1, 2, 3, Duy Tân, Anh Đào .... và mất hoạt biệt thự các trường tá và chức quyền Sài Gòn tập trung ở khu vực Nguyễn Du, Quang Trung, Nguyễn Đình Chiểu, Lê Gia, trường Trại Bình Trại.

Tháng 2 năm 1976, Ủy Ban Cách Mạng Lâm Thời Cộng hòa Miền Nam ra nghị định như pháp trường Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Tuyên Đức thành tỉnh Lâm Đồng. Năm 1979, chức trường trường Đà Lạt là tỉnh định đổi sang nông thôn, như rừng ranh giới là vùng Thái Phiên, Xuân Trường, Xuân Thọ (?), như mới định các vùng dân tộc thiểu số, như là như pháp dân Thái – Nùng vào Đà Lạt. Nông nghiệp các vùng định cư mới, định xá định cư sáng, như định đi định địa vực khu vực nông thôn. Các hồ sau này định cư như vét hay tái định: Đốp Đa Thiển năm 1977, hồ Chiển Thọ năm 1981, Hồ Xuân Hoàng (1983-84), Hồ Tuyển Lâm (1984).

Nhiều chức quan định cư như thác Datanla, hồ Tuyển Lâm, thác Cam Ly, Thung lũng Tình Yêu. Năm 2001, Hội Nghị Nhân Dân Tỉnh thứ 5 Ủy quyền định phát triển du lịch kinh tế cho Đà Lạt các năm 2001 – 2005 và hàng định tiến tiến định năm 2010. Năm 1986, dân số Đà Lạt là 112 000 người và năm 2007 là 197 013 người. Thứ tự như kinh tế Đà Lạt đã chuyển qua du lịch – dịch vụ từ 51.13 % GDP năm 1993, lên 61.94 % năm 2000, như lên 72.1 % năm 2007; công nghệ và xây dựng chiếm 23.45 % xuất 16.1 %; nông lâm chiếm 25.42 % xuất 11.8 %. Mất hoạt khách sạn và tiêu ăn định cư định lên thêm và nhiều biệt thự ở các vùng Trại Hoàng Đốp, Nguyễn Du và Lê Lai, định ngày 3 tháng 4 chuyển thành nguồn cung cấp cho du lịch. Như định hồ cũng là như định cho Đà Lạt xây dựng thêm cơ sở mới hay tái thiết nhiều khu vực như định Hoàng Văn Thọ, Hồ Tuyển Lâm, công viên Yersin, công viên Ánh Sáng, các vườn hoa thơ xã, làm sách, đúng văn hóa – văn minh như các xã thôn tập v.v... : năm 1993 là hồ như năm 100 năm thành lập Đà Lạt ở sân vận định Đà Lạt, năm 2003 là hồ như năm 110 năm, năm 2005 là hồ như năm 30 năm “giới phóng” Đà Lạt, năm 2006 là hồ như Trà (Chè), các năm 2005 và 2007 là hồ như Hoa...

Địa hình

Địa hình Lâm Viên là 3 cao nguyên và là đầu nguồn của 7 hồ thung sông lớn. Cao nguyên Định Nông- Gia Nghĩa, như phía tây Cao nguyên Di Linh và Cao Nguyên Định Lạc. Hai Cao nguyên này nguyên là mất khi thung như vào thời định địa chất xưa cũ, như định hồ thung sông Đá Định (Da Dung) và các định lưu chia ra thành như định như định khác nhau. Cao Nguyên Bò Lạc – Di Linh, cao định 800m trên cao như định định, định dài lên định Định Trường – Liên Khu vực (Khàng) định sông Đá Định, thung định lưu sông Định Nai, định định định định định, định định nghiêng từ Đông sang Tây, định chênh cao định 200m. Núi cao như định phía đông trường Di Linh là núi BraLan cao 1864m, núi Bnom Định cao 1276m, phía Bò Lạc Lâm là núi Bnom Bun Trường Rao cao 1465m, phía tây Bò Lạc định định Bò Lạc là núi Bnom Quan cao 1211m ... Cao nguyên Đà Lạt, cao định 1500m, có như định núi bao quanh cao định 2000m, cao như định là

núi Bi Đúp 2287m phía Nam Lạc Đông, thung lũng sông Đa Nhim, ranh giới hai tỉnh Ninh Thuận- Lâm Đồng, núi Hòn Giao 2010 ở ranh giới Khánh Hòa – Lâm Đồng phía Đông huyện Lạc Đông, núi Chư Cang Ca (?), thung lũng núi Lâm Viên – Lang Bian cao 2163 m gần Lạc Đông phía Bắc Đà Lạt, núi Chư Yan Du cao 2040m, núi Chư Yan Kao gần nguồn sông Đa Đang, núi Gia Rich 1923m gần nguồn đá sông Đa Đông.... . Quanh Đà Lạt là núi Lap-be( Labbé ? ) Bắc cao 1739m, núi Lap- be Nam cao 1709 m, núi You Lou Rouet cao 1615 m. Phía Nam giới Đà Lạt và Đèo Trùng núi Voi – Quan Du cao nhất chỉ đến 1805m. Các núi dọc ranh giới Đèo Lạc – Lâm Đồng như núi Đa Nam Rong cao 1433m, núi Đa M'Nong cao 1148m ...

Đất đai Lâm Đồng có 8 loại: đất đỏ hay latosol nâu nhóm Ferrasols rất nhiều ở Cao nguyên Bò Lạc – Di Linh – Đèo Trùng, đất feralit – podzolic vàng đỏ cũng rất nhiều ở cao nguyên Lâm Viên -Lang Bian, đất xám điển hình Haplic Acrisols, đất xám có sỏi latêrit ferric Acrisols chiếm đến đất xám ferralit ferralic Acrisols trên phù sa cũ sinh, các loại Acrisols chiếm đến 659 648 ha; đất phù sa các sông suối chiếm 28 866 ha, và một ít đất xói mòn như đất đá-leptosols chỉ có 678 ha, đất mùn alit núi cao Alisols cũng chỉ có 870 ha. Loại đất latosols nguồn gốc basalt tìm thấy ở cao nguyên Bò Lạc ( Biao )- Di Linh chiếm 212 309ha trong số 260 000 ha đất nông nghiệp trồng cà phê, rất thích hợp để trồng cây công nghiệp lâu năm, rau đậu và hoa cao phẩm xuất khẩu như cà phê, trà ( chè ),dâu nuôi tằm, hạt điều ( đào lợn hạt ), rau- hoa – đậu. Đất lâm nghiệp chiếm 622 000 ha, bao phủ 61 % diện tích.

Khí hậu, thủy văn

Khí hậu Lâm Đồng là khí hậu gió mùa nhiệt đới, thay đổi tùy theo cao độ địa hình. Có 2 mùa chính : mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 11; mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4. Thời tiết mát mẻ quanh năm, trung bình là 190C. Lượng mưa trung bình hàng năm là 1800 mm và độ ẩm trung bình là 85%. Khí hậu lý tưởng làm nơi nghỉ dưỡng, cùng lúc phát triển thực vật và động vật thích thời tiết mát mẻ, ôn đới. Đáng lưu ý là khí hậu này không xa các thành phố lớn và các châu thổ đông dân. Tuy nhiên có 4 hiện tượng thời tiết bất lợi cần biết là : sương mù – fog, sương muối -Salt flog, mưa đá – hail, mưa nhớt – cloudburst. Nhiệt độ thấp, đặc biệt vào đêm và sáng sớm, hơi nước trong không khí dễ dàng đi tới bão hòa, gây ra sương mù nhiều ở Lâm Đồng hơn là ở đồng bằng châu thổ miền. Vùng quanh rừng thung lũng nhiều sương mù hơn là các đồi trung tâm. Tại các thung lũng vì gió nhẹ và ẩm ướt hơn, sương mù che phủ lâu hơn là các nơi cao, thoáng khí. Tại Đà Lạt, sương muối tại nơi cho cây trồng, thung lũng xảy ra vào các tháng giêng – hai. Tháng 3 thì ít khi xảy ra. Mưa nhớt( nồm ) là vào hai tháng đầu mùa mưa gần như mọi buổi trưa chiụ. Số lần mưa nhớt ở Liên Khương nhiều hơn là ở Đà Lạt. Mưa đá xảy ra vào mùa nóng nhiệt trong năm. Ở Đà Lạt vào các tháng 4, 5,6 đặc biệt vào 2 tháng đầu mùa mưa, tuy cũng rất ít khi xảy ra. Các sườn đồi núi có gió thổi nhẹ và thoáng khí, mưa đá nhiều hơn là tại các thung lũng.



Lâm Động có sông Động Nai và là nguồn nhiều sông chảy về các châu thổ động bằng Duyên hải miền Trung, thoát ra Biển Đông, như nguồn Sông Lũy, nguồn sông Quao: hay chảy về phía Tây như nguồn sông Krong Knô, một phần lưu lượng của sông Srek Pok, cũng là một nhánh của sông Mê Kông. Tuy lưu vực sông Động Nai trong nước chỉ là 37 394 km<sup>2</sup> (tổng là 42666 km<sup>2</sup>), như lưu vực sông Mê Kông trong nước là 71 000 km<sup>2</sup> (tổng là 795 000 km<sup>2</sup>) và lưu vực Sông Hồng là 61 000 km<sup>2</sup> (tổng là 143 000 km<sup>2</sup>), chiều dài chảy trong nước là 635 km, trên sông Hồng 566 km và trên phần sông Mê Kông chỉ dài 230 km. (theo Thái Công Trình – 2005). Sông Động Nai bắt nguồn trên cao nguyên Lâm Viên – Langbian từ hai dòng như cao độ 1500 m trên mặt biển: nguồn suối Đá Động (Đa Dung) phía tây Đà Lạt, nơi có đập Ankroet từ suối Vàng; và sông Đa Nhim là nguồn phía Đông có một hồ nước nhân tạo của đập thủy điện Đa Nhim ở Đôn Động (Đran), độ nước từ trên cao độ 1100m ở đèo Ngà An Mộc theo hai đường ngang ngang lưu lượng nhà máy phát điện Krong Pha, độ chênh chênh 40 km đường dốc, là thác Pông Gua (Pongour) hùng vĩ, cao nhất vùng Đà Lạt do nguồn Đá Động tạo ra. Các thác Đatanla, thác Prenn, như nước từ hồ Than Thở, hồ Xuân Hương, chảy qua cửa Ông Đèo từ thác Cam Ly cuối cùng tạo ra hai thác Gù Ga và Pông Gua. Gần thị trấn Bò Lóc có thác Đăm Bri. Thác này tiếp tục chảy xuống đèo Bò Lóc tạo thành Suối Tiên ở lưu vực sông đèo. Rời dòng sông tiếp tục chảy trong rừng sâu qua địa phận không còn thuộc Lâm Động nữa, mà thuộc tỉnh Lâm Động Nai- Biên Hòa là Đôn Quán, Kimm Tân, Bôn Nôm, Cây Gáo, Đôn An .... Giữa các làng này, dòng sông có nhiều đá ngầm chặn nước dài khoảng 20Km, làm thuyền bè không lưu thông được. Đôn mùa mưa, dòng nước chảy xiết, đêm đêm suốt ngày đêm như như tiếng gỏi của rừng thẳm. Nay đã có đập thủy điện Trư An đi vào hòa phận nào. Qua khỏi thác Trư An, sông Động Nai chảy trên mặt địa thế thấp dần đi bằng phẳng, thoải thoải từ Tây sang Đông. Tùy đoạn dòng sông khá sâu, nước chảy chậm, hòa hoãn, ghe tàu như đi lười lười dàng

Tài Nguyên Thực vật và Động Vật

Thực vật

Trần Đăng Hoàng (Việt Nam Văn hóa và Môi trường - 2012) cho biết là Việt Nam đã xác định những trung tâm sinh học đặc biệt, địa phương chính – major endemic biogeographic centres: Vùng núi Hoàng Liên Sơn ở Bắc Việt, các rừng núi phía Bắc miền Trung, vùng núi Ngọc Linh ở Quảng Nam – Kontum, và Cao nguyên Lâm Viên. Cao nguyên Lâm Viên –

Lang Bian plateau ( bà B'liang là vĩa của ông B'ian, mặt cấp vĩa chĩa ng theo truyĩa n thuyĩa t ) có nhiĩa u núi , cao nhĩa t là đĩa nh Bi Đúp 2287m , đĩa nh Lang Bian- Chĩa Cĩa Cĩa o- Núi Bà ( ? ) 2163m. Có 2 loĩa rĩa ng chĩa nh Bi Đúp – Núi Bà : rĩa ng thông – coniferous và rĩa ng. Loĩa chĩa nh yĩa u rĩa ng thông là *Pinus kesyia* loĩa thông 3 lá ( tên cũ là *P. khaysya* ) cây cao 30m, lá kim dài 15 – 20cm ( cũng tìm thĩa y nhiĩa u khá nhiĩa u rĩa ng núi Cao Bĩa ng – Lĩa ng Sĩa n – Quĩa ng Ninh ), mặt loĩa thông ít hĩa n là *Pinus merkusiana* ( tên cũ là *P. merkusii* ) là loĩa thông 2 lá, mặt đĩa i mĩa c cao đĩa n 50m, lá kim dài hĩa n đĩa n 18-25 cm mĩa c đĩa thĩa p hĩa n nhĩa rĩa ng Di Linh – Bĩa o Lĩa c, nhĩa a thĩa ng đĩa c khai thác. Các loĩa thông khác là Thông Rũ *P. patula* cũng có ba lá , nhĩa ng lá kim ngĩa n hĩa n 10 -13 cm và hay đĩa c trĩa ng làm cây kiĩa ng, thông Đà Lạt *Pinus dalatensis* , lá kim chĩa m loĩa 5 lá , đĩa i mĩa c cao đĩa n 40m , gĩa c thân to 1.5m mĩa c đĩa nh núi ( còn có thĩa tìm thĩa y rĩa núi Ngĩa c Lĩnh ), Thông Sri *Pinus Kremfii* , tàn lá không giĩa ng thông mà giĩa ng mặt song tĩa diĩa p hĩa n , đĩa i mĩa c cũng rĩa t to, lá đĩa p và rĩa ng ...Rĩa ng thông là loĩa cây cĩa i mĩa c theo dĩa y – chuĩa i thành quĩa cĩa viĩa c đĩa t rĩa ng làm rĩa y hay sĩa n thú liĩa tiĩa p. Nĩa u rĩa ng thông không bĩa đĩa t cháy thĩa ng xuyên thì rĩa ng lá rĩa ng luôn luôn xanh sĩa thay thĩa . Rĩa ng thông hĩa n còn chiĩa m khĩa ng 21 018 ha hay 29 % rĩa ng bĩa o vĩa thiên nhiên . Rĩa ng luôn luôn xanh chiĩa m 36 069 ha hay 11% khu đĩa trĩa bĩa o tĩa n thiên nhiên. Phĩa n loĩa n rĩa ng luôn luôn xanh là rĩa ng hĩa n hĩa p thông và cây lá rĩa ng; các yĩa u tĩa “ Thông’ là Thông Đà Lạt, Tô Hĩa p *Bách Calocedrus macrolepis* , mặt đĩa i mĩa c to hĩa Tùng, lá nhĩa vĩa y, hĩa t trong chũy ( trái khô ) loĩa có cánh,, gĩa làm nhan thĩa m , lâu mĩa c và làm hòm, Pê Mu *Fokienia hodginsii* cùng hĩa Tùng vĩa i *Calocedrus*, mặt đĩa i mĩa c cao 20m , nhánh đĩa p, lá là vĩa y đĩa p , gĩa làm hòm và đĩa mĩa nghĩa , Thông Nang hay kim giao kĩa t loĩa p *Podocarpus imbricatus* , mặt đĩa i mĩa c to, thân thĩa ng cao đĩa n 30m, hĩa t đĩa khi chín; trong thĩa p niên 1950 loĩa du nhĩa p trĩa ng Vĩa ng rừng( vĩa ng vì 6 nhánh mĩa c ngang hình chĩa Vĩa ng?) *Araucaria columnaris* , lúc đó làm cây kiĩa ng, Bĩa o Lĩa c mĩa c tĩa t cao 4- 25m, nhĩa ng rĩa nguyên quán Tân Caledonia loĩa cao đĩa n 60m ...Có thĩa phĩa n chia rĩa ng luôn luôn xanh ra làm 2 nhóm : rĩa ng núi thĩa p lower montane và rĩa ng núi cao – upper montane . Rĩa ng núi thĩa p chĩa yĩa u là các loĩa thuĩa c hĩa Dĩa *Fagaceae* và hĩa Quĩa *Lauraceae* gĩa m các loĩa Cà iĩa n *Castanopsis indica*, các loĩa Dĩa *Lithocarpus spp.*, Dĩa Sĩa i *Quercus spp.*, Cà Đĩa i *Laurus spp.* và *Cryptocarya spp.*, Bĩa i Lĩa i *Litsea spp.* Đĩa c đĩa m rĩa ng núi cao luôn luôn xanh là chĩa a các tông – genera nhĩa tông iĩa ,roi , mĩa n ta ( lý ...) *Sygysium* hĩa Sim *Myrtaceaea* và tông Đĩa Quyĩa *Rhododendron* hĩa Đĩa Quyĩa *Ericaceae* . Rĩa ng núi cao Bi Đúp – Núi Bà là mặt rĩa ng thĩa c vĩa t rĩa t đĩa đĩa ng và rĩa t đĩa c hĩa u. Khĩa o sát các năm 1993 và 1994 thĩa ng kê đĩa c 827 loĩa cây có mĩa ch , trong đó 87 loĩa là đĩa c hĩa u cho Tây Nguyên nĩa c nhà. Sĩa kiĩa n đĩa c hĩa u là 23 loĩa thĩa c vĩa t mô tĩa trong vùng đĩa dùng nhĩa ng tên đĩa a phĩa ng nhĩa *dalatensis* , *bidoupensis* , *langbianensis*. Đáng tiĩa c là nhiĩa u loĩa cây vùng Bi Đúp – Núi Bà cũng bĩa liĩa t kê vào Sách Sĩa Đĩa Viĩa t Nam, danh sách đĩa IUCN ghi các loĩa cây có nguy cĩa tuyĩa t chĩa ng. Hai loĩa đĩa tuyĩa t chĩa ng hoa Lan vĩa hải *Paphiopedilium delanatii* và Chĩa lá phĩa ng *Shorea falcata*, nhĩa ng cĩa hai loĩa này đĩa trĩa ng loĩa hay tìm thĩa y rĩa nhiĩa u nĩa i . 6 loĩa bĩa hiĩa m nguy iĩa n: Thiên tuĩa loĩa c *Cycas micholitzii* ,Kiĩa n kiĩa n *Hopea hainanensis* , Xòai núi *Mangifera flava* , Sâm nam *Panax vietnamensis* , Thông Đàlat *Pinus dalatensis* và Thông lá đĩa p *Pinus Kremfii* . (Trĩa n Đĩa ng Hĩa ng – 2012 ) .

Đĩa ng vĩa t

Khu Bảo tồn Thiên Nhiên Bì Đúp- Núi Bà cũng chứa rất nhiều loài động vật đặc hiếm đặc hữu. Đến nay đã thống kê 382 loài có xương sống, gồm 89 loài động vật có vú, 202 loài chim, 62 loài bò sát và 29 loài lưỡng cư. Một số loài vật có vú đáng báo động ở Bi Đúp – Núi Bà gồm có vượn má hồng – buffcheeked gibbon *Hylobates gabriella*, và Bò Min- Gaur *Bos gaurus*. Mới đây đã ấn định (du lịch?) báo cáo là vừa tìm thấy loài đặc hữu Nai – Hươu (Mèo Mang) khổng lồ – giant Muntjac *Megamuntiacus vuquanggensis*. Hình nhè Heo rừng miền bắc – warty pig *Sus buculentus* ghi là tuy nhiên nay tìm ra vài con ở Lào. Trâu rừng và Bò tót (?) *krouprey Bos sauveli* đã mất động và Nai nâu (Nhật bản) – Sika deer cũng còn tìm thấy ở vài trại chăn nuôi. Voi cũng chỉ còn chút ít trong rừng Lâm Đệ phía giáp giới tịch Lâm Đệ (năm 1980 còn 1500 – 2000 con, nhưng năm 2000 trở lại xu hướng còn chỉ 85 – 114 con). Thế kỷ 1950- 60 “Cấp Khánh Hòa” còn nhiều ở rừng quanh Bảo Lâm – Di Linh, nay theo nhà động vật học Vũ Ngọc Thành, chỉ còn 80 con. Tây Nguyên mất số đã tuy nhiên và Tây Nguyên hai số chỉ còn 8 con lãg ở rừng Cát Tiên. ...

### Chim chóc

Các vườn hay trại trồng rau – vegetables và hoa – flowers vùng Đà Lạt đã nổi tiếng khắp nước. Du khách Việt Nam thích đến Đà Lạt hít thở khí mát lành, rừng thông, hồ, thác v.v... Nhưng các loài chim chóc sinh sống cũng là nổi nên đến thăm ngắm.

Núi Lang Bian hay Núi Bà chỉ cách Đà Lạt 12 km về phía Bắc, rất dễ đến bởi đường xích lộ hay mô tô – xe gắn máy. Một đường mòn lên đỉnh núi ngang qua rừng thông đến rừng lá rừng luôn luôn xanh. Loài chim Sẻ xanh lục Việt Nam – Vietnamesees Green Finch tìm thấy nhiều ở cây thông suốt lối mòn, cùng loài Mèo chéo đỏ – red crossbill ở thông gần đỉnh. Loài đặc hữu Sáo hót mỏ khảm vàng- collared laughingthrush yellow- billed nuthatch, chim Mào đen *black crown fulvettia* tìm thấy ở rừng luôn luôn xanh ở đường lên đến đỉnh. Các loài đặc biệt khác đáng chú ý gồm Cochoa Xanh lục, Sáo hót má trắng, Sẻ Xanh lục, Sáo mỏ đen *blackhood laughingthrush*, Chim hút mật cổ đen *black throat sunbird* và chim *Cutia* Việt nam.

Hồ Tuy nhiên Lâm nhân tạo chỉ cách thị xã 3km, đến nổi dễ dàng bằng xe mô tô hay ô tô, nhưng cần thuê tàu đò đến phần rừng còn sót lại ở xa cuối hồ, nổi tốt nhất tìm thấy chim chóc. Có nhiều lối mòn đi qua rừng, nhưng chúng không ghi dấu và khó tìm. các chim đặc thù đặc biệt là Sáo hót mỏ khảm vàng, Sáo đen (mỏ) đen, *Crocias* mào xám – grey *crocias*, Sẻ Việt nam xanh lục, *Cutia* Việt nam ...

Thung lũng Tà Nùng cách Đà Lạt 15km là nơi tập nhứt thổ động thổ Crocias màu xám, Chim Ác là Xanh lục Đông Dương – Indochine green magpie, Sáo hót mỡ khảm vàng, Sáo hót mỏ đen, Sáo hót má trắng, Sáo hót ngực vàng cam, Vẹt đầu xám – grey headed parrot.

Đèo núi San rừng phớt trên động chánh tại Di Linh xuống Phan Thiết, cách Đà Lạt chừng 80km là nơi đáng tin cậy nhứt để tìm thổ Sáo hót ngực vàng cam, Pittas gáy xanh động và rổ sét – blue and rusty naped pittas, Cochoa xanh lục, Sáo hót đầu đen, Sáo hót má trắng, Fullvetta Đông Dương và Vẹt đầu xám.

### Tài nguyên khoáng sản

Khảo sát khoáng sản kinh Lâm Động xuất hiện vào thời kỳ khoáng hóa Đệ Trung Sinh – cuối Mesozoic cuối – sớm Kainozoi và Kainozoi. Thời kỳ khoáng hóa Mesozoi cuối và Kainozoi sớm là lúc magma hạ địa tích tụ thành đá granit, tạo ra và làm thành hình khoáng hóa Đà Lạt – Bô Lóc. Đặc điểm là khoáng hóa vàng Au, Bạc Ag, Thiếc Sn, Wolfram W, Chì Pb, Arsenic As và một số kim loại vữa xây dựng. Thời kỳ khoáng hóa Kainozoi vào lớp vữa (đá) làm ra những vùng lòng, giữa các núi và lớp basalt bao bọc nơi rừng. Thời kỳ này gồm có những khoáng sản sinh hay nguyên sinh, giàu có và đa dạng như bentonit, diatomit, châu báu – quý kim, sét, thiếc, vàng, khoáng lithium wolframit, cát, sỏi, sét và nước nóng. Phòng 6 Cục Địa Chất đã tìm thấy 165 khoáng động – deposits khoáng chất gồm 23 mỏ lớn, 3 mỏ trung bình, 48 mỏ nhỏ và 91 khoáng động khoáng. Những khoáng động và các mỏ chia ra làm 7 nhóm kinh Lâm Động: than đá, kim loại, không kim loại, vữa xây dựng, châu báu – đá quý, chất phóng xạ bột thổ động, nước khoáng và nước nóng.

Trong số kim loại, đáng kể nhất là Nhôm – Aluminium với khoáng bô xít – bauxite ore. Nhóm này hai kinh chánh Việt Nam có những khoáng bô xít là Đệ Nông và Lâm Động miền Tây Nguyên, chứa những khoáng chất 5.4 tỉ tấn bô xít. Các năm 2005 -2006, Phân tích Khúc xạ X-ray – Diffraction Analysis cho thấy khoáng bô xít này là gibbsite, loại khoáng các nhà máy tinh luyện alumina thích dùng nhất làm nguyên liệu chế biến. Các mẫu phân tích cho biết những khoáng trung bình Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub> là 48.40% các ven mạch cách lớp đất mặt chừng 0.4 m đến 5.5 m thì đã. Dự trữ bô xít latêrit kinh Lâm Động là 1.114 tỉ tấn, đủ sản xuất khoáng hóa Túc Trưng. Các nhà khảo cổ địa chất đã tìm ra 2 mỏ bô xít có giá trị khai thác thổ động mãi Tân Rai và Bô Lóc và 6 khoáng động kinh Riong Tho, Dangkia, Lan Tranh và phía tây Đèo Bô Lóc, Sơn Định và Gia Bình.

Wolfram Lâm Động là khoáng wolframit kim loại Bô Lóc và các hàng dài cũng là

Wolframit kim loại là khoáng chất hiếm; đã được khai thác từ lâu. Vàng (Kim) Lâm Đồng là sa khoáng-placer gold ở các sông và vàng nguyên gốc – original gold. Vàng nguyên gốc thủy nhiệt-hydrothermal là quặng vàng – quartz, quartz – sulfide vàng và sulfur- vàng – bcc. Tỉ lệ phần trăm quartz – vàng chứa sulfur (ít hơn 5%) khám phá ra ở mỏ vàng Đồi Ninh và các mỏ quặng quặng Man Ling, Sao Nam. Tỉ lệ phần trăm quartz-sulfide vàng phát triển riêng rẽ và nhiều mỏ vàng Trà Bang và các mỏ quặng Xuân Thanh, Trại Hầm, Phi Liêng v.v... Tỉ lệ phần trăm sulfur- vàng – bcc ở các đá phún hoa diêm sơn sản Đồi Đồi, nhưng chỉ khai thác được ở mỏ quặng vàng Tuy Sơn. Vàng sa khoáng tìm thấy ở 7 mỏ, trong đó vàng nguyên gốc Trà Nang có trữ lượng là 652 Kg. Dân gian đã khai thác các mỏ như Tây Sơn, Đồi Voi, Phi Liêng, Đa Ding King, Đa N'Bo, Đa P'loa. Khám phá ra Thiếc ở 3 mỏ lớn: Núi Cao, Đa Thiến, Thái Phiên. Thiếc sa khoáng có trữ lượng là 1793 tấn SnO2.. Sản phẩm Lâm Đồng phẩm giá xuất, gồm hai mỏ quặng Kon Tat và Liên Đàm. Mỏ quặng Liên Đàm là do latêrit-hóa olivine basalt của sản Là Ngà, do đó đất latêrit đỏ, theo thềm quặng ban đầu, xói – tro núi lửa phun, màu gạch đỏ, thành tích 2. 746 triệu tấn. Mỏ quặng Kon Tat là mỏ thềm quặng quartz- hematit, nguyên gốc thủy nhiệt. Quặng sản ở đá granit phía Bắc Cà Ná đã được khai thác từ năm 1909. Ở phía Đông vùng gãy, mỏ Phan Thiệt và Di Linh, trữ lượng chứa 6 750 tấn chì Pb. Phía Tây vùng gãy Phan Thiệt – Di Linh trữ lượng chứa 101 220 tấn Chì. Gia Bốc có những mỏ thềm quặng đá kim loại – sulfur (chì – kẽm – đồng – bcc – arsenic) chứa chì – kẽm, nguyên gốc thủy nhiệt. Mỏ quặng Antimoan Lâm Đồng là ở vùng Tiên Hoàng (Cát Tiên). Các yếu tố kim loại chung với antimoan là Ag, Pb, As, Sn, Cu, Zn. Trữ lượng là 25 000 tấn.

Không kim loại-non metallic là cao lanh- kaolin có 2 mỏ lớn ở Trại Mát và Prenn, cùng các mỏ quặng ở B' Nam, thôn xã Teurlang Tho, Ngòi Sơn, Lâm Nghiệp; trữ lượng trên 127 triệu tấn. Felspat Lâm Đồng nguyên gốc pegmatit. Khám phá bentonit ở mỏ Tam Bò và 3 mỏ quặng ở Đảnh Kri, Đa Le và Di Linh. Riêng sản Di Linh có trữ lượng trên 11 triệu tấn. Diatomit cũng nhiều ở trữ lượng tích chứa Di Linh trữ lượng gần 64 triệu m<sup>3</sup>. Vật liệu xây dựng thô là sét và mácnô-sét vôi (marl, marne). Đã khám phá ở tỉnh nhà 3 mỏ sét lớn, 3 mỏ nhỏ và 9 mỏ quặng sét, trữ lượng là 146.5 triệu m<sup>3</sup>. Mác nôm rất hiếm ở Lâm Đồng, bề dày ít khi quá 1m, sản dèo Bò Lóc. Ngoài ra còn tìm thấy mácnô ở hai mỏ quặng ở Đồi Đồi.

Vàng châu báu và quý kim, trữ lượng tiên phong ở Đồi xanh xa phía – sapphire ở gần đèo Bò Lóc, ở trong đá granit phía Bắc Đồi Quán và ở hai mỏ Tiên C, Sa Vo cùng 4 mỏ quặng ở Lâm Hà, sông KrongKlet, Xuân Trường, Sơn Đồi. Mỏ Tiên C có trữ lượng 678.2 Kg. Nồng độ quặng xa phía là 3. 55- 12g/m<sup>3</sup>. Xa phía Lâm Đồng màu xanh lục đất đỏ m xanh, phần chiểu cao. Xa phía tỉnh nhà có thành phần đất xuýt 1,7%, hàm lượng trên 6 carats. Ngòi quartz topaz tìm ra năm 1991 ở mỏ quặng dòng sông vùng xã Lâm Tân. Quartz Sôa – Milky màu sữa, trắng, xám khói và kích thước vài cm lên đến 40 cm. Quartz này hình lăng kính – prismatic. Tinh thể quartz mỏ quặng ở thung lũng Sum Brak, có nguyên gốc thủy nhiệt và các kênh mạch phát triển ở các mỏ đá granit phía Bắc Đồi Quán. Opal là quý kim phát triển khá nhiều ở sản Túc Trường, tìm thấy ở thung lũng sông Đa Nhim Đa Sĩ Chu, Di Linh, Bù Ni Nh ( ? ), Phú Hiệp; kích thước vài chục cm đến 50- 60 cm, màu

số a, xám, vàng nhạt hay nâu đỏ. Tectit dùng làm đồ trang và nghề thu thập tinh vi hình giọt nước mắt, hạt đào lông, hình cầu hay thanh que, màu xám đen, đen tuyền ... tìm được 7 loại đồng quặng tại Đà Lạt, Plang Dra, Cầu Đất, Đúc Trừng, Tân Phát, Đồi Lao. Nhóm phóng xạ - radioactive group, nên phân biệt: nhóm đá Phóng xạ ở Dinh Đan (?) theo mạch felsit rộng 25 - 30m dài 16-50m ở sản đá Đồi Dồng. Cường độ phóng xạ là 100 - 300 mury R/ giờ, cao nhất là 7 900 - 1700 mury R/giờ, nồng độ uranium là 86.4 g/ tấn, Th 13.7g/t, Ce 58.2 g/t, La 35.4 tấn, TR 128.5 g/t. Loại đồng phóng xạ Quan Du là trong tuf, porphyra felsit, đá sỏi lẫn tròn sulfur với cường độ phóng xạ 150- 200muryR/giờ, cao nhất 720 mury R / giờ, nồng độ uranium 296gr/t ... Loại đồng Da Prenn là felsit porphyra các ven-mạch phía Đông Bắc và Tây Nam sản đá phún loại Đồi Dồng. Nồng độ uranium là 52.5g/t. Loại đồng Gia Oa có cường độ phóng xạ 80- 100 muryR / giờ, nồng độ uranium là 2.5g/t. Tuy nhiên cũng không nên quên than non, than nâu - lignite, trữ lượng là 8.6 triệu tấn ở các sản Di Linh, và các mỏ đồng ở Đồi Lao, Đa Sro, Sam Brac, Dinh Trang Trừng, Lam Sơn. Và cuối cùng là than bùn- peat ở Lap Be, Đa Thiện, Kim Lê, Man Ling, Phú Liên, hồ Chiên Trì, An Bình, Đồi Lão. Các mỏ than bùn Đa Klou Kia, Kim Lê chứa lượng đồng lớn hơn cả và than bùn loại tốt, cách thị trấn Di Linh chỉ chừng 2km, giao thông tiện lợi, khai thác dễ dàng làm phân bón.

Cũng cần, nâng cấp hệ thống cơ sở cho phát triển bền vững hơn

### Giao thông

Đường bộ Lâm Đồng dài 1700km đến miền biển và gia cố. Quốc lộ 20 nay nối quốc lộ 1A Gia Kiêm tỉnh Đồng Nai ngang qua Bò Lóc, rồi Di Linh đến Liên Khương, Đà Lạt. Quốc lộ 27 nối Phan Rang - Tháp Chàm tỉnh Ninh Thuận, ngang qua Đồi Dồng (Dran) (có đường tỉnh lộ 41 lên Đà Lạt) qua Đúc Trừng (Liên Nghĩa) đến Liên Sơn (hồ Lak, tỉnh Đúc Lóc) rồi theo đường 52 qua Giang Sơn đến Ban Mê Thuột). Đường 28 nối Phan Thiết ngang qua Gia Bình (Gia Bình?) đến Di Linh rồi tiến lên Gia Nghĩa - Đúc Nông đến Đúc Song, Đúc Mil nối cùng quốc lộ 14. Đáng kể là gần đây là thị trường dự án xa lộ cao tốc - express way Đà Lạt - Dầu Giây và Đường Tây Trừng Sơn từ Đà Lạt đến tỉnh Quảng Nam. Phi trường Liên Khương cách trung tâm thị xã Đà Lạt 30km, đang được nâng cấp thành phi trường quốc tế có phi đạo dài 3250m các máy bay cỡ trung bình như A320, A321 hay đường đường có thể đáp xuống. Mọi ngày đều có chuyến bay Liên Khương - Sài Gòn, TP HCM. Đường bộ phi trường Liên Khương sẽ nâng cấp thành xa lộ cao tốc. Đường xa lộ miền số 723, nối Đà Lạt với Nha Trang, hai thành phố du lịch lớn, sẽ được rút ngắn để bắt đầu thì giao di chuyển. Chỗ 60 km đường sông Đồng Nai ở Lâm Đồng là tàu bè đi được vào mùa khô, phần lớn thu hoạch vùng Cát Tiên Lâm Đồng có 8km đường xe loại dành cho du khách, thị trấn xã Đà Lạt đến Trại Mát.

## Đin Lâm Đng và khuôn kh Th y đin Vi t Nam

Mng lli đin quc gia cung cp đ y đ đin cho Lâm Đng- Đà Lạt. H thng đin nay bao gm các nhà máy th y đin Đa Nhim ( 160 000 Kw ), Su i Vàng ( 3000 Kw), Hàm Thu n – Đa Mi ( 475 000 Kw), Đ i Ninh, gi a khúc đ an Đ c Trng – Di Linh đng 20 ( 300 000 Kw ) Các nhà máy th y đin ln khác là Đng Nai 3 (môt tua bin 180 000 Kw ) kh i công năm 2004 và hoàn t t tháng 10 năm 2010 và Đng Nai 4 ( hai tua bin 340 000 Kw ) đang xây đng, ch a hoàn t t, dù tháng giêng 2011 đã đào xong đng h m đ n c ch y máy dài 2350m, đng kính là 8m. Tháng 9 năm 20132 , Chánh ph đã hoãn xây c t 2 đ p Đng Nai 6 và Đng Nai 6A , vì 2 đ p này có c phá h y 327 ha r ng, 128 ha này Công Viên Quc Gia Cát Tiên phía Đông B c TP HCM. Nh c li là Công viên Cát Tiên là n i có kh ang 1700 loài cây hi m quý n c nhà và h n 700 loài đng vt và chim chóc c ng , nhi u ai b nguy c tuy t tích. Lâm Đng hi n đã có 73 h n c nhân t o và 92 đ p th y đin ln, nh .

Cu i năm 2009, 33% công xu t đin Vi t Nam là th y đin, 17 % là khí d u – gas, 12 % là than đá, 6 % là d u a. Năm 2010 , Vi t Nam s n xu t 119.1 t Kwg i – Kwh. Nh c li là cu i năm 2012, Vi t Nam có 220 nhà máy th y đin đang h at đng, tng công xu t là 13. 694 tri u Kw và 211 nhà máy th y đin đang xây c t, công xu t tng cng là 6. 713 tri u Kw . Nhng tháng 5 năm 2013, Vi t Nam đã h y b 338 nhà máy th y đin, tng công xu t là 1 099 tri u Kw, vì các nhà máy này không h i đ các tiêu chu n môi tr ng. Đn tháng 8 năm 2013 lai h y b hay ng ng thêm 67 đ án th y đin khác n a. Sông Đng Nai là sông ln nh t tnh gm ba nhánh chánh là sông Đa Dung ( Đa Đang, Đá Đng ? ) , sông La Ngà và sông Đa Nhim. Sông Đng Nai có ti m năng 15 % tng th y đin n c nhà, c c lng là 270 t kwg i ( kwh ), sau Sông Hng 50 %( sông Đà , sông Lô , sông G m )... sông Se San , Srepok , sông Ba Tây Nguyên ( đã đ cp khi lm bàn tnh Gia Lai )30% tng lng ... Đ p th y đin S n La trên sông Đà -Black River , huy n M ng La tnh S n La là đ p ln nh t n c . Và cũng có nhà máy th y đin ln nh t Đông Nam Á. Đ p cao 138m ( 453 b Anh ) và r ng 90m , dài 1000m ( 32300 b ). Đ án do Nga làm giúp ; nhà máy có 4 tua bin, m i tua bin công xu t 400 000 Kw ; nh v y tng công xu t S n La là 2 400 000 Kw , phát xu t 10. 246 t kw/ gi . Đ án đ ngh vào th p niên 1970. Năm 2000, Quc H i Vi t Nam ng ng thi t lp đ p, vì thi u thông tin tái đnh c dân ph i r i b vùng h . thi u chi phí b i th ng, m c kh thi đ án và xét làm đ p th p h n. Đ án m i đ c Quc H i ch p thu n tháng 12 năm 1 2002 . Tng phí là 2 t đôla M , USD, thu c Công ty Đin L c Vi t Nam. B t đ u xây đ p tháng 12 năm 2005 , và h at đng ngày 7 tháng giêng năm 2011; thi t k xong tua bin th t ngày 22 tháng ch p năm 2011, tua bin th nă ngày 30 tháng t năm 2012 và tua bin th sáu ngày 26 tháng chín năm 2012. Đ án S n La hoàn t t ngày 20 tháng 12 năm 2012 . S n La ít tham v ng h n là đ p th y đin Tam Đip – Three Gorges Dam Trung Quc, nay là đ p th y đin ln nh t th gi i ( theo Asia Times , ngày 11 tháng 11 năm 2006). Ngoài th y đin, còn có nhà máy đin ch y diesel công xu t 4000 Kw c các th tr n B o L c, Di Linh và C n Răng ( ? ) và tnh cũng đ trù làm đin gió- wind power n a. Nay mng lli đin đã đ a đin t i h u nh kh p m i thôn p tnh ( 96 % gia th t nông thôn năm 2010 đã có đin? ) .

## N c

H thng cung cp n c s ch cng c i thi n nhi u. Nhà máy n c Đà Lạt dung tích là 35 000 m<sup>3</sup>/ngày. Nhà máy th tr n B o L c cung cp 10 000 m<sup>3</sup>/ngày. Nhà máy huy n Đ c Tr ng 2500m<sup>3</sup>/ngày. Nhà máy huy n Di Linh 35003/ngày. Nhà máy Lâm Hà 6000m<sup>3</sup>/ngày. 7 nhà máy n c đang xây c t các huy n Đ n D ng, Lâm Hà, Dam Rong, Đa Huoai. Năm 2010, 75 % thôn p Lâm Đng đã có n c s ch. Ngoài h thng n c s ch, tnh còn đang xây c t m t h thng toàn di n ch a tr n c ph th i.

## B u đi n , vi n thông

Nay Lâm Đng, Đà Lạt có m t h thng b u đi n và vi n thông c n đ i, th a m n nhu c u phát tri n kinh t xã h i tnh nhà , k luôn c các nhà đ u t .100% xã p đã có n i k t đi n th ai . Tnh và th xã hi n có 2 1007 000 máy đi n th ai, c đ ng dây l n đi n th ai di đ ng, trung bình 170 máy đi n th ai cho 100 c dân. Ti vi đã đ n v i t t c m i ng i trong tnh .S ng i thuê mua internet là 51 000.

## Khuynh h ng phát tri n kinh t xã h i Lâm Đng các năm 2011- 2015

H ng phát tri n này nh m vào sinh c ng ph m giá phát tri n kinh t xã h i, c t o m t đ i thay m nh m c c u kinh t , áp đ ng các tiên ti n khoa h c k thu t trong s n xu t và x lý – qu n tr , đ x ng ph m giá giáo d c và hu n ngh , huy đ ng các tài nguyên nhân s , y t , văn hóa và th thao.

Năm 2006, nông lâm chi m đ n 57.8 %GDP tnh, công ngh xây c t 23.4 % và d ch v ch là 18.8 %. Năm 2010, nông lâm tr t xu ng ch còn 48.5 % GDP, công ngh xây c t cũng tr t xu ng 19. 9 %, nh ng d ch v đã đ t 31. 6 % Tăng tr ng hàng năm GDP tnh nhà các năm 2011 – 2015 là 15- 16 %, trong đó nông lâm tăng 7.8 – 8.3 %, xây c t- công ngh tăng 22.5- 24.1 % và d ch v tăng 19-20%. GDP năm 2011 tăng 15 – 16 %, nông lâm tăng 8.5 – 9.5% , công ngh - xây c t 24-25 % và d ch v 19-20%. Năm 2013, GDP tăng 15.6 – 16.7 % ; nông lâm 8- 8.5 % ; công ngh – xây c t 24- 25 % và d ch v 20-21 %. Năm 2014, d li u



GDP tăng 14.4- 15.2 %; nông lâm 7.5 % ; công nghệ – xây dựng 20.5- 22 % và dịch vụ 18- 19 % . Dự trữ GDP mới dự kiến năm 2015 sẽ là 44.5 -46.2 triệu USD hay 2 200 – 2300 \$ USD , nghĩa là gấp đôi GDP mới dự kiến năm 2010 . Thành phần cơ cấu kinh tế năm 2015 là nông lâm 36.8 -37 % , công nghệ -xây dựng 26.8- 28% và dịch vụ 32.5- 35.8 % . Xu hướng kinh tế tăng 26.3 % / năm. Hy vọng năm 2015, lợi tức xuất khẩu sẽ là 800 triệu USD.

### Phát triển du lịch Lâm Đồng

Tháng 3 năm 2013 , chính phủ chấp thuận dự án phát triển du lịch Tây Nguyên đến năm 2020, với cái nhìn xa đến năm 2030. Các mục tiêu năm 2030, biến du lịch Tây Nguyên thành một ngành công nghiệp quan trọng, tạo các khách hàng tăng cường các lĩnh vực phát triển các kinh tế khác, tích cực góp phần tăng trưởng kinh tế cho toàn thể Tây Nguyên góp phần hỗ trợ giảm đói nghèo và phát triển nông thôn, bảo đảm an sinh xã hội, duy trì sự ổn định quốc phòng, an ninh, trật tự xã hội và an toàn. Đặc biệt ngành du lịch Lâm Đồng – Đà Lạt được xác định đóng vai trò then chốt, dẫn dắt chi nhánh phát triển du lịch địa phương. Du lịch địa phương này là hướng đi cũng của Tây Nguyên với các miền khác đất nước và các nhà quản lý phát triển du lịch, tài sản tiềm năng và sự ổn định mới miền địa phương và toàn vùng. Phát triển du lịch bảo vệ du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng núi ; trong đó tập trung trên du lịch văn hóa cùng các hoạt động văn hóa các tộc dân thiểu số Tây Nguyên, làm nền móng cho phát triển các thị trường du lịch, phát triển du lịch song song với bảo tồn và nâng cao giá trị văn hóa Tây Nguyên của các tộc dân thiểu số. Cùng lúc, khai thác phát triển sản phẩm du lịch xanh, hỗ trợ tăng cường các cơ chế tranh và tập trung vào các phát triển du lịch bền vững, tạo cơ hội có công ăn việc làm, giảm nghèo, hỗ trợ đối tượng trong khuôn khổ một nước Việt Nam tân tiến, công nghiệp.

Trên không gian du lịch, thị xã Đà Lạt , kinh tế Lâm Đồng đã được định nghĩa là một nơi trú ngụ để nghỉ các loại hình nghỉ dưỡng thú vị và hấp dẫn. Tuy nhiên Lâm và hồ Đankia – Suối Vàng, chưa được nâng cao để đáp ứng nhu cầu nghỉ dưỡng đúng quan điểm tài nguyên thiên nhiên, khai thác chính thống ngành an, du lịch sinh thái, nghỉ ngơi và tiêu khiển, giải trí . Riêng Đà Lạt các sản phẩm du lịch chính là nghỉ dưỡng núi – hồ, du lịch sinh thái nông nghiệp cao cấp, du lịch giải trí, đánh golf, thể thao phiêu lưu mạo hiểm, du lịch cưới, tuấn trắng mặt, và loại hình 4 Khóai- MICE ( thích hợp hội họp meeting, thích khách hàng – incentive, thích đàm phán – conference , thích Triển lãm – exhibition ). Thị xã Đà Lạt , theo dự án, đã được định nghĩa là một thị trấn nghỉ dưỡng – resort city cho nhu cầu nghỉ dưỡng du khách lui tới như Gia Nghĩa – Buôn Ma Thuột – Pleiku-Kontum; Sài Gòn, TP HCM và các tỉnh Đông Bộ Sông Cửu Long; TP HCM – Vũng Tàu – Long Hải ; Di Linh – Phan Thiết – Long Hải – Vũng Tàu; Phan Rang – Nha Trang và các tỉnh miền duyên hải miền Trung : Hà Nội và các tỉnh miền Bắc ; Buôn Ma Thuột – Kontum, – Lào ...Chưa 8 điểm nóng tiềm năng theo dự án, 2 tỉnh Lâm Đồng là Đăk Kìa – Suối Vàng và Tuy nhiên Lâm.

### Các vùng và côm công ngh

Lâm Đing hiên có 3 vùng công ngh – IZ , Industrial zones và 14 côm công ngh – IC, industrial clusters đing c chố p thuên xây côm t hố ng cồ sồ , tố ng sồ tồ bôn đố u tồ lên tồ i 958 tồ ĐVN , trên diên tích 663 ha. Năm 2010, đã có 15 đố án mố i đố ng ký, giúp cho các IZ có tố ng côm ng là 53 đố án, tố ng côm ng tồ bôn đố u tồ đố ng ký là 4.2 ngàn tồ ĐVN + 43 tồ \$ USD và các IC có 30 đố án tố ng sồ tồ bôn đố u tồ đố ng ký là 1.1 ngàn tồ ĐVN. 3 vùng Công ngh IZ là IZ Lồ c Sồ n, IZ Tân Phú và IZ Phú Hố i. Các côm công ngh là IC Gia Hiố p ở xã Gia Hiố p , huyố n Di Linh; IC Tân Châu ở xã Tân Châu huyố n Di Linh; IC Đa Oai , huyố n Đa Huoai; IC Hà Lâm ở thố trố n Đateh , huyố n Đa Teh ; IC ĐaTeh cũng ở thố trố n Đa Teh; IC Ka Do ở xã Ka Do, huyố n Đố n Dồ ng; IC Lồ c Phát ở thố trố n Bồ o Lồ c ; IC Lồ c Tiên cũng ở thố trố n Bồ o Lồ c ; IC Đố nh Vân ở xã Đa Đôn, thố trố n Đố nh Vân ; IC Đố c Phồ ở xã Đố c Phồ , huyố n Cát Tiên; IC Lồ c Thố ng ở thố trố n Lồ c Thố ng, huyố n Bồ o Lâm; IC Lồ c An ở xã Lồ c An, huyố n Bồ o Lâm; IC Phát Chi ở xã Xuân Trố ng thố xã Đà Lạt; IC Đa R’ Sal ở xã Đa R’ Sal, huyố n Đam Rong. Gia Hiố p là IC rố ng lồ n nhố t Lâm Đing, diên tích 644 ha và cuố i năm 2013 đã có 6 đố án đố u tồ hố at đố ng . Nhố nhố t là IC Phát Chi chố rố ng 26 ha, và đố n cuố i năm 2013 vố n chố a có đố án đố u tồ nào cồ ở IC Lồ c An.

### Mố t nố n nông nghiố p áp đố ng nhiố u cao kố khoa hố c cồ p nhố t

### Rố ng và lâm nghiố p

Lâm Đing có 587 000 ha rố ng, chiố m 60.4 % đố đai tố nh. Nhố nhiố u mố a, khí hố u ở mthố p, đố t đố i thích hố p nhiố u lòai cây cồ i , cho nên thố c vố t nhố nhiố u lồ ai tre , mây ... tái sinh mau lồ sau khi khai thác. Thố c vố t trong rố ng mang theo nhiố u đố c đố đố n hình cây cồ Việt Nam rố t đố đố ng chố a tre6b 400 lồ ai gồ khác biố t nhau; vài lồ ai là gồ quý- hiố m nhố Kiố n Kiố n Fokenia hodginsii, nhiố u lòai trố c Dalbergia sp. , thông Pinus merkusii và nhiố u lâm sồ n khác. Rố ng Lâm Đing cũng là nố i lý tồ ng và đố y hố a hố n cho ngành công ngh chố biố n gồ , đem lồ i giá trố xuố t khố u . Mố i năm Lâm Đing đố u xuố t khố u nhiố u lồ i gồ biố n chố cao phố m . Tre và gồ thonh cũng nhu nhiố u lòai khác , ở các rố ng huyố n Bồ o Lâm, Bồ o Lồ c, Đa Huoai, Đa The là nguyên liố u tồ t chố biố n bốt giố y và giố y và chố ng quyố n đố ng cồ đố ng ngố ai quố c đố u tồ liên doanh hay 100% ngố ai quố c đố u tồ làm mố t nhà máy giố y và bốt giố y dung lồ ng 50 – 100 000 tồ n /năm. Tớ cớ đố đố ng sinh hố c cồ a rố ng Lâm Đing đố ng mố t vai trò làm cồ nh quan đố p đố cho du khách, rố ng thông Đà Lạt chố ng hố n hay các sông -suố i- thác- hố – bồ đố rố ng Lâm Đing cũng hút đố n nhiố u du khách trong và ngoài nố c. Lâm Đing có hai rố ng quố c gia bồ o tồ n là Cát Tiên và Bi Đố p – Núi Bà, vố n còn tìm thố y nhiố u lòai đố ng vố t, thố c vố t

bồ hiếm nguy ghi vào Sổ Đ. Rừng Quercus gia Bi Đúp – Núi Bà rừng 57 000 ha, cách thị xã Đà Lạt 10km, còn bởo tởn nhợng hợ thợng rợng núi cao nhiệ t đợi và nhiệ u đợng vớ t thợc vớ t quý đợc hợ u, mớ t sớ đợ kợ trên . Rợng này cũng là mớ t trong 221 khu quợc tợ bởo tởn chim trên thợ giợi và là mớ t trong ba vớ t n chim đợc hợ u cợ a Việ t Nam .

Nuôi cá tợm và cá hợi xợ mát và chặn nuôi bò sợa

Ít khi đợ cợp là nuôi nhiệ u lợ ai cá xợ mát nhợ cá hợi – salmon , cá tợm- sturgeon ... có thợ phát triệ n khợp tợnh nhợ sông, suợi , thác hợ phân phợi đợ u các huyệ n, nhợng nhiệ u nhợ t hiệ n nay là Đà Lạt, Lợc Dợng, Đợn Dợng , Đợc Trợng. Lợi tợc nuôi cá xợ mát lợ n, lên đợn 4 tợ đợng ĐVN/ha . Nên chú trợng hợ n nợ a đợn các hợ thợ y đợi n diệ n tích lợ n nhợ hợ Đa Nhim: 970 ha và 165 triệ u m3, hợ Hàm Thuợn – Đa Mi: 2500 ha và 695 triệ u m3, hợ Đợi Ninh: 2000 ha và 320 triệ u m3 v.v... Nên mợ rợng thêm ngành chặn nuôi bò và tuyệ n chợ n thêm các lợ ai cợ nuôi bò thích hợ p ôn đợi – nhiệ t đợi , núi non cao thợp đợ hiệ n diệ n tợ các thợp niên 1940- 50( ? )

Trợng trợ t

Trợc tiên nên nói qua vợ ngành rau – vegetables và hoa – flowers. Vùng rau ( rau cợi , rau đợu ) tợp trung Đà Lạt, Đợc Trợng, Lợc Dợng, Đợn Dợng và Lâm Hà . Trợng diệ n tích năm 2013 là 51 729 ha, sợ n lợng đợ t 1 952 390 tợ n, xuợ t khợ u lên đợn 8 910 tợ n, trợ giá là 21,8 triệ u USD. Rau cợi Đà Lạt đợ sợ n xuợ t theo lợi an toàn. Tuy nhiên Đà Lạt mợ cợ a đón mợi các nhà ngợ ai quợc đợ u tợ mợ nh mợ thêm vào khợ cợ nh sợ n xuợ t giợ ng mợi, kợ thuợ t sợ n xuợ t cợ n đợi, hợ u thu hợ ach và biệ n chợ tiên tiệ n hợ n, hợ u hiệ u hợ n. Nhiệ u nhặ hiệ u Rau Đà Lạt đợ đợc công nhợ n, nhợng các nhà vợ n trợng rau vợ n tiệ p tợ c xây đợp tiêu chuợ n GAP cho các nhợ n Rau Đà Lạt , đợ thợ a mặ đợi hợi thợ trợng xuợ t khợ u. Rau Lâm Đợng tiêu thợ khợp hợ u hợ t các đợ thợ lợ n nợ c nhà và xuợ t khợ u sang Nhợ t, Đợi Loan, Thợi Lan, Singapore , Mã Lai Á , Cặm Bợ t. Hai sợ n phợ m liệ t vào nhóm rau đợu là cà chua – tomatoes và dâu tây – strawberries. Cà chua trợng nhiệ u Đợn Dợng và Đợc Trợng năng xuợ t cao hợ n 200 tợ n mợ t ha hợ u hiệ u kinh tợ 30 – 35 % lợ n hợ n trợng cà chua cợ các tợnh khợc, Ngành trợng dâu tây chợ mợi khợi sợ thợp niên 1960 Đà Lạt, nay đợ có vài công tợ lợp vợ n cao năng, cao kợ , báo chí Ca Li vợ a nhợ c tợi thớng 6 / 2014 . Trợng hoa tợp trung nhiệ u nhợ t Đà Lạt, Đợn Dợng và Đợc Trợng. Hoa Lâm Đợng đợ dợng và cao phợ m tợ nhợ hoa lan, hoa cợ m chợng- carnations , huợ – lily , lay đợ n – gladioluses , v.v.... Các giợ ng hoa thay đợi mau chóng và nhiệ u lợi hoa mợi ghi vào danh sớch . Diệ n tích hoa Lâm Đợng năm 2013 là 7100 ha, sợ n lợng hoa cợ t cặnh -cut flowers là 1945 triệ u cặnh, xuợ t khợ u 200 triệ u, trợ giá 26 triệ u USD. Hoa Lâm Đợng tiêu thợ khợp các tợnh Việ t Nam và hoa xuợ t khợ u Lâm Đợng chiợ m 80 % tợng sợ hoa Việ t Nam xuợ t khợ u, đợ có mợ t tợi Nhợ t, Singapore, Đợi Loan, Úc, Thợi Lan, Bợ , Hợa Lan, Hiệ p Hợi

Âu Châu, Hoa Kỳ, Trung Quốc v.v.... Các công ty “Rừng Hoa Đà Lạt” thành danh là Đà Lạt Hasfarm, Rừng Hoa Company, Mai Nguyễn Company, Lang Bian Farm ... còn cần thêm công nghệ khoa học, đầu tư v.v.. mới đổi mới công nghệ qua Âu Mỹ sánh ngang hoa Lan Thái Lan, hoa Hồng Colombia, tu líp Hòa Lan.

Trà (Chè) là cây công nghệ lớn nhất, chiếm gần 26000 ha năng xuất búp lá tươi là 10 – 28 tấn/ha, sản lượng hàng năm 200 000 tấn, 27 % tổng lượng trà tươi nội địa. Lâm Đồng cũng là tỉnh sản xuất nhiều trà nhất nước. Vào thập niên 1950 chỉ mới có vài trăm ha trà, nhưng năm 2012 Lâm Đồng đã có 22 934 ha, trong đó 1000 ha là các giống trà chế biến thành trà cao phẩm kiểu trà Ô Long, Kim Xuyên, Trà Quý v.v... “Trà Việt” Lâm Đồng – trọng tâm đây gọi là Trà Bò Lóc nay là Trà Cầu Đất Đà Lạt, Minh Rừng, Golden Dragon, Di Linh. Năm 2012, Trà Lâm Đồng xuất khẩu là 12 059 tấn đủ loại, trị giá 23 triệu đô la USD. Còn mạnh mẽ hơn ngành trà là cà phê Lâm Đồng-Di Linh, diện tích năm 2012 là 153 432 ha, trong tổng diện tích trồng cây công nghệ lâu năm là 176 000 ha, năng xuất có thể trên 3.5 tấn/ha hạt đậu thương mại – commercial coffee beans. Năm 2012, Lâm Đồng xuất khẩu 57 673 tấn cà phê, trị giá 192 triệu đô la, chiếm đến 80% tổng lượng xuất khẩu tỉnh. Tỉnh đang tìm đầu tư thiết lập một nhà máy chế biến cà phê tan liền – instant coffee, dung lượng là 5 000 tấn, tổng vốn cần có là 6 triệu đô la Mỹ. Một cây lâu năm khác khá sớm cũng từ cuối thập niên 1950 ở Bò Lóc là trồng dâu nuôi tằm, một rừng thêm nhiều với dân di cư miền Bắc sau các năm 1955- 56. Hỗ trợ cho ngành trồng dâu tằm là các dự án đầu tư quay trở lại từ tằm Spulsilk thread spinning factory dung tích 150 tấn Spulsilk thread/ năm của hãng VietNam Mulberry and Silk Corporation; Xưởng dệt tơ tằm silk knitting factory ở thị trấn Bò Lóc, dung lượng 1500 000m /năm; Xưởng dệt lụa – chuỗi lụa, nhuộm và in màu ở thị trấn Bò Lóc, cũng của Công ty ViệtNam Myulberry and Silk Corporation, chuỗi 2 triệu mét /năm, nhuộm 1 5 triệu mét /năm, in 1.5 triệu mét/năm, tổng phí đầu tư là 8 triệu đô la Mỹ.

Có lẽ cũng không nên quên ngành quanh Đà Lạt làm thu hoạch chà đầu gan, đầu thỏ (?) nay diện tích đã trên 15 000 ha, trồng cây kí ninh trở nên rét, trồng cây ăn trái xoài mát như miền tây – plum, hồng trái ka ki, nuôi trồng các loại nấm ăn, bắp cao năng, khoai mì cao năng, cung cấp nguyên liệu cho nhà máy chế biến thực phẩm gia súc, gia cầm ....

Ngoài các Trung tâm Khoa học Nông Lâm, Trung tâm Khoa học Rau Hoa của Bộ Nông Nghiệp, góp phần không nhỏ cho phát triển nông nghiệp Lâm Đồng là Cục Khoa học và Nguyên liệu và nay mai Trung tâm Khoa học Sinh học đang xây dựng. Các trung tâm khoa học này đã giúp nông lâm nghiệp Lâm Đồng trở thành tỉnh tiên phong áp dụng khoa học tiên tiến, trọng tâm nhất là trên phương diện hạt giống, cây giống mới. Sở Khoa học và Kỹ thuật Lâm Đồng cho biết hiện nay các giống mới – new varieties chiếm 80 % rau hoa trồng trong tỉnh, 90 % giống lúa và bắp, 47 % cho trà – chè, 30 % cho dâu nuôi tằm và 12 % cho cà phê. Các kỹ thuật mới trồng trên đất cát các sản phẩm vi sinh – sinh học vào mùa màng, sử dụng đèn LED (diod phát quang), nhà kính và nhà bao phủ – nethouse, tưới nước giọt để tiết kiệm nước, dùng

plastic trãi đầy vồn có xoi ló thng nh cho cây m c , b t t n công làm c các hàng rau hoa trng kho che đ t trng th i x a cũ , b t t n n c t i tiêu nh gi m đ đ t , không b c h i n c ... Lâm Đng đã có 58 c s s dng c y mô – tissue culture , cung c p hàng năm c m y ch c triệu h t gi ng- cây gi ng m i, k c nh ng thành công t o gi ng m i đ t bi n – mutants c a C c Nguyên T L c Đà Lạt. Giúp cho Nông Nghi p Lâm Đng trong 8 tháng đ u năm 2013 , đ t t ng giá tr là 3.766 ngàn t - trillion Đng ĐVN, hay 90 tri u Đng ĐVN m t ha m i năm , nghĩa là 2-3 l n trung bình c n c .

## **GS. TÔN TH T TRÌNH**

(Irvine, Nam Ca Li – Hoa K ,  
ngày 26 tháng 6 năm 2014 )